Machine Translated by Google

Bảng dữ liệu kỹ thuật

NUKOTE EP PRIME I

MÔ TẢ:

Nukote EP Prime I là loại sơ n lót bề mặt gốc epoxy-polyamine, hai thành phần, có hàm lư ợng rắn cao, dạng lỏng, có đặc tính thẩm thấu độc đáo.

ĐẶC TRƯ NG:

- Hàm lư ợng chất rắn cao với VOC thấp
- Mùi thấp
- Độ bám dính tuyệt vời
- Độ nhớt thấp
- Thời gian mở lâu
- Phủ nhanh hơ n

CÁCH SỬ DỤNG ĐIỂN HÌNH:

- Bê tông
- Nhựa gia cư ờng sợi thủy tinh
- Bề mặt đàn hồi Polyurethane
- Kim loại
- Ván ép

MÀU SẮC:

Phần A: Xanh lam, Phần B: Vàng

ĐÓNG GÓI:

Bộ dụng cụ 3 gallon (11,34 lít): Hai lon 2 gallon (3,78 lít) dung dịch màu xanh Phần A và một lon 1 gallon (3,78 lít) dung dịch màu vàng Phần B.

Bộ dụng cụ 15 gallon (57 lít): Hai xô 5 gallon (19 lít) dung dịch màu xanh Phần A và một xô 5 gallon (19 lít) dung dịch màu vàng Phần B.

PHẠM VI BẢO HIỂM:

Định mức rải Nukote EP Prime II là 360 ft2 /gal ở độ dày 4 mils (9 m2/lít ở độ dày 100 micron) mà không tính đến bất kỳ độ hao hụt hoặc độ xốp nào của bê tông.

TRỘN:

Nukote EP Prime I có thể không đư ợc pha loãng trong bất kỳ trư ờng hợp nào. Tham khảo bộ phận kỹ thuật của NCSI để ứng dụng trên bề mặt có độ xốp cao, nơ i có thể cần pha loãng.

Tỷ lệ pha trộn thể tích là 2 phần Chất lỏng màu xanh lam Phần A với 1 phần Chất lỏng màu vàng Phần B. Nukote EP Prime I Phần A và Phần B phải đư ợc trộn kỹ riêng lẻ trư ớc khi kết hợp để đảm bảo vật liệu đồng nhất.

Machine Translated by Google

NUKOTE EP PRIME I

các thành phần phải đư ợc trộn đều bằng máy trộn cơ học ở tốc độ chậm hoặc ít nhất 5 phút nếu trộn bằng tay.

DỮ LIỆU KỸ THUẬT (Tất cả các giá trị @ 77 °F / 25 °C)	CHÚNG TA	Hệ mét
Chất rắn theo thể tích (ASTM D2697)	90%	90%
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơ i (ASTM D2369)	0,75 lb/gallon	90 gam/ lít
Phạm vi lý thuyết	360 ft2 /gal @ 4 mils	9 m2 /lit@100micron
Trọng lư ợng riêng của vật liệu (ASTM D792)	A:9,18, B:8,93 lbs/gallon	A:1,09, B:1,07kg/lít
Độ nhớt ở 77 °F /25 °C tính bằng cps ±10% (ASTM D4878)	580-620	580-620
Thời hạn sử dụng ở 77 °F /25 °C	12-15 tháng	12 - 15 tháng
TÍNH CHẤT XỬ LÝ (Trong điều kiện phòng thí nghiệm tiêu chuẩn)		
Tỷ lệ pha trộn V/V	2A: 1B	
Cuộc sống trong nồi	20-30 phút	
Thời gian không dính (phụ thuộc vào DFT và nhiệt độ)	60-90 phút	
Chạm khô	2-3 giờ	
Khô cứng	6-8 giờ	
Các đặc tính và giá trị phụ thuộc rất nhiều vào thiết bị, súng phun, nhiệt độ buồng trộn, áp suất và các thông số liên quan. Có thể có và dự kiến sẽ có sự thay đổi.		

CHUẨN BỊ BỀ MẶT:

Bê tông:

Bề mặt của sàn bê tông phải khô, nhẵn, kết cấu chắc chắn và không có vết lõm, vảy hoặc cặn lạ nào. Loại bỏ tất cả các hợp chất bảo dư ỡng. Thổi mài mòn, thổi quét hoặc phun nư ớc để loại bỏ tất cả vật liệu tiềm ẩn và làm lộ ra các lỗ rỗng. Tất cả các nền bê tông, trên hoặc dư ới mặt đất phải đư ợc kiểm tra độ ẩm. Sàn hoặc tấm bê tông trên hoặc dư ới mặt đất phải đư ợc lắp đặt rào cản độ ẩm để bảo vệ khỏi độ ẩm của mặt đất.

Việc chuẩn bị bề mặt bê tông phải đáp ứng và tuân thủ tiêu chuẩn Joint NACE 6/SSPC-SP 13 và đạt đư ợc bề mặt bê tông có độ nhám từ CSP 3 đến CSP 6 theo Hư ớng dẫn số 03732 của ICRI để có hiệu suất tối ư u.

KHO:

Mư ời hai đến mư ời lăm tháng trong thùng chư a mở, giao tại nhà máy. Bảo quản trên pallet và tránh xa nhiệt độ cao, đông lạnh và độ ẩm.

ỨNG DỤNG:

Machine Translated by Google

NUKOTE EP PRIME I

Có thể thi công Nukote EP Prime I bằng máy phun không khí, cọ hoặc rulo lõi nhựa Phenolic. Để Nukote EP Prime I không còn dính trư ớc khi thi công lớp phủ. Nhiệt độ bề mặt khuyến nghị phải cao hơ n 50 °F (10 °C) và cao hơ n ít nhất 37 °F (3 °C) so với điểm sư ơ ng. Nukote EP Prime I rất nhạy cảm với nhiệt độ và độ ẩm.

Nhiệt độ cao hơ n và/hoặc độ ẩm cao sẽ làm tăng đáng kể thời gian đông cứng và thời gian sống của hỗn hợp. Hãy thận trọng khi sử dụng các kích thư ớc mẻ và độ dày của lớp phủ. Nhiệt độ thấp và/hoặc độ ẩm thấp sẽ kéo dài thời gian đông cứng. Bề mặt có độ xốp cao sẽ cần nhiều hơ n một lớp phủ và liên hệ với NCSI để biết thêm chi tiết về chất làm loãng và pha loãng

VỆ SINH THIẾT BỊ:

Sản phẩm đã xử lý có thể đư ợc xử lý mà không bị hạn chế. Các phần chư a xử lý phải đư ợc trộn lại với nhau và xử lý theo quy định của địa phư ơ ng. Các thùng chứa phải đư ợc xử lý theo luật và sắc lệnh về môi trư ờng của địa phư ơ ng.

Thiết bị phải đư ợc vệ sinh ngay sau khi sử dụng bằng dung môi an toàn với môi trư ờng theo quy định của địa phư ơ ng.

HẠN CHẾ:

Không mở cho đến khi sẵn sàng sử dụng và bảo quản trong hộp kín sau khi mở. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Bề mặt phải khô, sạch và không có vật lạ. Không bền với tia cực tím. Các hộp đã mở phải đư ợc sử dụng càng sớm càng tốt. Khó vệ sinh sau khi đã đông cứng. Không trộn nhiều vật liệu hơ n mức có thể sử dụng trong vòng 45 phút.

CẢNH BÁO:

Sản phẩm này có chứa epoxy và chất đóng rắn.

BẢO HÀNH VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM:

Nukote Coating Systems International, một công ty tại Nevada, Hoa Kỳ bảo đảm rằng hai thành phần của sản phẩm này sẽ tuân thủ các thông số kỹ thuật đư ợc công bố trong tài liệu sản phẩm. Chất lư ợng và tính phù hợp của sản phẩm phụ thuộc vào việc pha trộn và ứng dụng đúng các thành phần của ngư ời ứng dụng. Nukote Coating Systems không có vai trò nào trong việc ứng dụng polyme thành phẩm ngoài việc sản xuất và cung cấp hai thành phần của nó. Điều quan trọng là ngư ời ứng dụng sản phẩm này phải hiểu sản phẩm và đư ợc đào tạo và cấp chứng chỉ đầy đủ về việc sử dụng nhiều thiết bị thành phần và ứng dụng nhiều vật liệu thành phần. Không có bảo hành nào vư ợt quá mô tả trên mặt của thiết bị này, ngoại trừ khi đư ợc cung cấp dư ới dạng văn bản, trực tiếp bởi Nukote Coating Systems International và đư ợc thực hiện dư ới sự chứng thực của một viên chức công ty.